TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 648/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1978
Địa chỉ: Nhà không số, đường Nữ Dân Công, tổ X, ấp Y, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm: 1974
Địa chỉ: Nhà không số, đường Nữ Dân Công, tổ X, ấp Y, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà A và ông Huỳnh Công T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới; đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2002 cấp ngày 08/5/2002. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thường hay gây gỗ, không có sự tôn trọng và thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà A nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 28/10/2001. Đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Công T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Công T; bị đơn cư trú tại xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Huỳnh Công T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà A và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2002 cấp ngày 08/5/2002; do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A xác định giữa bà và ông T mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà A và ông T đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã

không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thì Ngọc A đối với ông Huỳnh Công T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với ông Huỳnh Công T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Huỳnh Công T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2002 đăng ký ngày 08 tháng 5 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Huỳnh Công T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033349 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND P. M, Q. N, TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Trần Tuấn Khương